



**ĐỀ ÁN TUYỂN SINH NĂM 2022**  
**PHẦN II – TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**  
**MỤC 4**

**TUYỂN SINH LIÊN THÔNG, SONG BẰNG, LIÊN KẾT QUỐC TẾ**

**I. LIÊN THÔNG ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐÃ CÓ BẰNG ĐẠI HỌC (VĂN BẰNG 2 CHÍNH QUY)**

**1. Phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh**

*1.1. Phương thức tuyển sinh*

Xét tuyển căn cứ vào hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh.

Cụ thể: Căn cứ kết quả học tập toàn khóa học (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) bậc đại học của thí sinh để xét tuyển, sắp xếp từ cao xuống thấp. Trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ theo thứ tự như sau:

- Người có điểm trung bình toàn khóa học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn;
- Người có điểm trung bình kết quả học tập các môn ngoại ngữ cao hơn;
- Người đã tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành dự tuyển hơn.

*1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022*

| TT | Các ngành đào tạo                             |
|----|-----------------------------------------------|
| 1  | <b>Lĩnh vực 3: 40 chỉ tiêu</b>                |
|    | Ngành Kế toán                                 |
|    | Ngành Quản trị kinh doanh                     |
| 2  | <b>Lĩnh vực 4: 50 chỉ tiêu</b>                |
|    | Ngành Luật                                    |
|    | Ngành Luật kinh tế                            |
| 3  | <b>Lĩnh vực 8: 30 chỉ tiêu</b>                |
|    | Ngành Công nghệ thông tin                     |
| 4  | <b>Lĩnh vực 9: 20 chỉ tiêu</b>                |
|    | Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông |

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*  
1

|   |                                           |
|---|-------------------------------------------|
| 5 | <b>Lĩnh vực 16: 140 chỉ tiêu</b>          |
|   | Ngành Ngôn ngữ Anh                        |
|   | Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc                 |
| 6 | <b>Lĩnh vực 20: 20 chỉ tiêu</b>           |
|   | Ngành Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành |

### 1.3. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh trên toàn quốc.

### 1.4. Thời gian tuyển sinh

Vào các tháng 3, 6, 9 và 12 hàng năm. Trong trường hợp đặc biệt, có thể tổ chức xét tuyển nhiều hơn 04 lần/năm.

## 2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển

a) Công dân Việt Nam có đủ sức khoẻ để học tập theo quy định hiện hành; không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã có bằng tốt nghiệp đại học được đăng ký dự tuyển học bằng đại học thứ hai.

Văn bằng đại học do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận của Cục Quản lý chất lượng Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc các cơ quan đủ thẩm quyền khác.

b) Nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển theo qui định của trường. Mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển bằng đại học thứ hai được đăng tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

c) Đạt yêu cầu tuyển sinh theo qui định của Trường.

## 3. Thời gian đào tạo

Sau khi thí sinh được công nhận trúng tuyển và đã làm thủ tục nhập học, Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Nhà trường sẽ căn cứ kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên tại chương trình đào tạo đã được cấp văn bằng 1 tổ chức xét công nhận tín chỉ đối với từng sinh viên. Thời gian đào tạo phụ thuộc vào số tín chỉ được xét công nhận nhiều hay ít nhưng không ít hơn 50% thời gian thiết kế chuẩn của chương trình đào tạo.

## 4. Địa điểm đào tạo

Địa điểm đào tạo các khóa văn bằng 2 cấp bằng chính quy: Tại các khu giảng đường của Trường Đại học Mở Hà Nội.

## 5. Lệ phí xét tuyển và học phí

- Lệ phí xét tuyển: 100.000 đ/hồ sơ
- Lệ phí xét công nhận tín chỉ: 100.000 đ/học phần.



- Học phí: Chi tiết xem tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2022

## II. LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

### 1. Phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh

#### 1.1. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển.

Cụ thể: Căn cứ kết quả học tập toàn khóa học (tính đến số lẻ 2 phần thập phân) bậc cao đẳng của thí sinh để xét tuyển, xếp từ cao xuống thấp. Trong trường hợp có nhiều thí sinh bằng điểm nhau thì áp dụng tiêu chí phụ như sau:

- Người có điểm trung bình toàn khóa học (không tính điểm ưu tiên) cao hơn;
- Người có điểm trung bình kết quả học tập các môn ngoại ngữ cao hơn;
- Người đã tốt nghiệp cao đẳng ngành gần với ngành dự tuyển hơn.

#### 1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022

| TT | Các ngành đào tạo trình độ đại học                 |
|----|----------------------------------------------------|
| 1  | <b>Lĩnh vực 3: 150 chỉ tiêu</b>                    |
|    | Ngành Kế toán                                      |
|    | Ngành Quản trị kinh doanh                          |
|    | Ngành Tài chính – Ngân hàng                        |
| 2  | <b>Lĩnh vực 4: 80 chỉ tiêu</b>                     |
|    | Ngành Luật                                         |
|    | Ngành Luật kinh tế                                 |
|    | Ngành Luật quốc tế                                 |
| 3  | <b>Lĩnh vực 8: 70 chỉ tiêu</b>                     |
|    | Ngành Công nghệ thông tin                          |
| 4  | <b>Lĩnh vực 9: 80 chỉ tiêu</b>                     |
|    | Ngành Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông      |
|    | Ngành Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| 5  | <b>Lĩnh vực 16: 110 chỉ tiêu</b>                   |
|    | Ngành Ngôn ngữ Anh                                 |
|    | Ngành Ngôn ngữ Trung Quốc                          |
| 6  | <b>Lĩnh vực 20: 40 chỉ tiêu</b>                    |
|    | Ngành Quản trị khách sạn                           |

#### 1.3. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh trên toàn quốc.

#### 1.4. Thời gian tuyển sinh

Vào các tháng 3, 6, 9 và 12 hàng năm. Trong trường hợp đặc biệt, có thể tổ chức tuyển sinh nhiều hơn 04 lần/năm.

## **2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

- a) Công dân Việt Nam có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành; không trong thời gian can án hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, cao đẳng nghề được đăng ký dự tuyển học liên thông lên đại học.
- b) Nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển theo qui định của Trường. Mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển được đăng tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của Nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>
- c) Đạt yêu cầu tuyển sinh theo qui định của Trường.

## **3. Thời gian đào tạo**

Sau khi thí sinh được công nhận trúng tuyển và đã làm thủ tục nhập học, Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Nhà trường sẽ căn cứ kết quả học tập đã tích lũy của sinh viên tại chương trình đào tạo đã được cấp văn bằng tổ chức xét công nhận tín chỉ đối với từng sinh viên. Thời gian đào tạo phụ thuộc vào số tín chỉ được xét công nhận nhiều hay ít nhưng không ít hơn 50% thời gian thiết kế chuẩn của chương trình đào tạo.

## **4. Địa điểm đào tạo**

Địa điểm đào tạo các khóa liên thông từ cao đẳng lên đại học cấp bằng chính quy: Tại các khu giảng đường của Trường Đại học Mở Hà Nội.

## **5. Lệ phí xét tuyển và học phí**

- Lệ phí xét tuyển: 100.000 đ/hồ sơ
- Lệ phí xét công nhận tín chỉ: 100.000 đ/học phần.
- Học phí: Chi tiết xem tại Phần I Đề án tuyển sinh năm 2022

## **III. HỌC CÙNG LÚC HAI CHƯƠNG TRÌNH (SONG BẰNG)**

### **1. Phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh**

#### **1.1. Phương thức tuyển sinh**

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển.

#### **1.2. Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022**

Căn cứ nhu cầu và khả năng thực tế của sinh viên.

#### **1.3. Phạm vi tuyển sinh**

Sinh viên đang theo học trong nội bộ của Trường Đại học Mở Hà Nội.

#### **1.4. Thời gian tuyển sinh**

Đầu mỗi học kỳ trong năm học.





## **2. Đối tượng và điều kiện dự tuyển**

Các sinh viên đại học chính quy đang theo học tại Trường Đại học Mở Hà Nội thỏa mãn các điều kiện sau thì được theo học song bằng:

- a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất và sinh viên đã hoàn thành nghĩa vụ học phí;
- b) Sinh viên được đăng ký học chương trình thứ hai sớm nhất khi đã được xếp trình độ năm thứ hai của chương trình thứ nhất. Tại thời điểm đăng ký, sinh viên phải đáp ứng một trong hai điều kiện sau:
  - Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại khá trở lên và đáp ứng ngưỡng đảm bảo chất lượng của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;
  - Học lực tính theo điểm trung bình tích lũy xếp loại trung bình và đáp ứng điều kiện trúng tuyển của chương trình thứ hai trong năm tuyển sinh;
- c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình tích lũy của chương trình thứ nhất đạt dưới điểm trung bình hoặc thuộc diện cảnh báo kết quả học tập thì phải dừng học chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo; sinh viên bị loại khỏi danh sách đã đăng ký học chương trình thứ hai.

## **3. Các thông tin khác**

- a) Thời gian tối đa đối với sinh viên học song bằng là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất.
- b) Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được công nhận kết quả học tập và chuyển đổi tín chỉ của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương đã tích lũy trong chương trình thứ nhất. Hội đồng xét công nhận tín chỉ của Nhà trường sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.
- c) Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đã tốt nghiệp chương trình thứ nhất.

## **4. Địa điểm nhận đơn đăng ký học song bằng và địa điểm đào tạo**

- a) Sinh viên có thể nhận/nộp đơn đăng ký học song bằng tại văn phòng Khoa đang học.
- b) Địa điểm đào tạo các lớp song bằng cấp bằng đại học chính quy: Tại các khu giảng đường của Trường Đại học Mở Hà Nội.

## **5. Học phí**

Theo quy định hiện hành của Trường Đại học Mở Hà Nội.

## **IV. LIÊN KẾT ĐÀO TẠO QUỐC TẾ**

**IV.1. Liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Mở Hà Nội với Trường Quản lý khách sạn quốc tế Thái Bình Dương của New Zealand (PIHMS), cấp bằng Cử nhân ngành**

 5



## **Quản trị Du lịch khách sạn**

### **1. Phạm vi, phương thức, chỉ tiêu và thời gian tuyển sinh**

#### *1.1. Phạm vi tuyển sinh*

Xét tuyển thí sinh trên cả nước.

#### *1.2. Phương thức tuyển sinh*

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển.

#### *1.3. Chỉ tiêu tuyển sinh*

Trường Đại học Mở Hà Nội tuyển sinh 50 chỉ tiêu

#### *1.4. Thời gian tuyển sinh*

Từ tháng 3/2022 đến hết ngày 30/09/2022.

### **2. Điều kiện dự tuyển**

a) Công dân Việt Nam có đủ sức khỏe để học tập theo qui định hiện hành, đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (Academic) từ 5.0 trở lên, hoặc chứng chỉ Tiếng Anh B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu do các cơ sở giáo dục được Bộ GD&ĐT cho phép cấp chứng chỉ (Trường hợp học viên chưa có chứng chỉ Tiếng Anh sẽ tham gia các khóa học tiếng Anh để đạt yêu cầu trước khi vào giai đoạn học chính khóa.)

b) Nộp đầy đủ và đúng hạn hồ sơ đăng ký dự tuyển.

### **3. Hồ sơ đăng ký dự tuyển**

Hồ sơ bao gồm:

- a) 01 Bản sao công chứng Giấy khai sinh và 01 bản dịch tiếng Anh công chứng;
- b) 01 sơ yếu lý lịch có xác nhận của chính quyền địa phương và đóng dấu giáp lai vào ảnh;
- c) 01 bản đăng ký học theo mẫu của PIHMS;
- d) 01 bản sao bằng tốt nghiệp, học bạ THPT công chứng và 01 bản dịch bằng tốt nghiệp, học bạ THPT công chứng (tiếng Anh);
- đ) 04 ảnh 3x4. Ảnh được chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- e) 01 bản sao chứng chỉ tiếng Anh (nếu có).

Mẫu hồ sơ đăng ký dự tuyển được đăng tải tại Cổng thông tin tuyển sinh của nhà trường tại địa chỉ <http://tuyensinh.hou.edu.vn>

### **4. Nguyên tắc xét tuyển**

a) Trường Đại học Mở Hà Nội nhận hồ sơ xét tuyển những thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương trở lên; Có điểm trung bình chung học tập của năm lớp 12 từ 6,0 trở lên; Hạnh kiểm của từng năm lớp 10, 11, 12 từ Khá trở lên;



b) Trường Đại học Mở Hà Nội phê duyệt danh sách sinh viên trúng tuyển chương trình đối với những thí sinh đã được xét duyệt hồ sơ và có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế trong thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) đạt IELTS (academic) từ 5,0 trở lên, hoặc chứng chỉ Tiếng Anh B2 theo khung tham chiếu Châu Âu;

c) Những trường hợp chưa có chứng chỉ tiếng Anh như quy định sẽ phải học các khóa tiếng Anh để đạt yêu cầu trước khi được phê duyệt trúng tuyển chương trình.

### **5. Thời gian đào tạo chính khóa**

Dự kiến tối đa 2 + 2,5 năm, gồm:

a) 02 năm đầu, học 4 học kỳ tại Trường Đại học Mở Hà Nội, Việt Nam.

b) 2,5 năm tiếp theo, học 05 học kỳ tại Trường Quản lý Khách sạn Quốc tế Thái Bình Dương, New Zealand.

Chương trình đào tạo do Trường PIHMS cung cấp, sinh viên có thể rút ngắn thời gian đào tạo bằng cách đăng ký tăng số tín chỉ trong các kỳ.

### **6. Văn bằng tốt nghiệp**

Văn bằng tốt nghiệp là bằng Cử nhân, do Trường Quản lý Khách sạn Quốc tế Thái Bình Dương, New Zealand cấp.

### **7. Nơi phát hành và nhận hồ sơ**

Phòng A3.6, Trung tâm Ngoại ngữ, Tin học và Bồi dưỡng ngắn hạn, Trường Đại học Mở Hà Nội, nhà B101 phố Nguyễn Hiền, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội.

Hotline: 024.38680909 - 0906280486 (Thầy Lê Văn An)

Email: ctc@hou.edu.vn

### **8. Lệ phí và học phí**

a) Học phí: **37.800.000 VNĐ/kỳ** (Tương đương với 2.500NZD/kỳ).

b) Phí ghi danh và xét tuyển **1.000.000 đ/sinh viên**

## **IV.2. Liên kết đào tạo giữa Trường Đại học Mở Hà Nội với Trường Kinh doanh Khách sạn và Du lịch Vatel, Cộng hòa Pháp (VATEL)**

### **1. Các thông tin tuyển sinh**

#### **1.1. Đối tượng tuyển sinh**

a) Đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

b) Có chứng chỉ IELTS 5.5, hoặc có trình độ Tiếng Anh bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

#### **1.2. Hình thức tuyển sinh**

Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức xét tuyển





- Vòng 1: Xét năng lực ngoại ngữ, nếu ứng viên chưa đạt trình độ ngoại ngữ theo yêu cầu sẽ được xếp vào lớp học dự bị Tiếng Anh do Trường Đại học Mở Hà Nội tổ chức;
- Vòng 2: Ứng viên đủ năng lực ngoại ngữ sẽ tham gia bài kiểm tra đánh giá;
- Vòng 3: Phỏng vấn trực tiếp.

### 1.3. Chỉ tiêu tuyển sinh

- Chỉ tiêu tuyển sinh năm học 2022 - 2023: 50 sinh viên.
- Chỉ tiêu tuyển sinh sẽ được điều chỉnh tăng hoặc giảm tùy vào nhu cầu người học, mức độ đáp ứng của hai trường.

### 1.4. Hồ sơ xét tuyển

Hồ sơ bao gồm:

- 01 bản đăng ký học theo mẫu của VATEL (Tải tại: <https://tuyensinh.hou.edu.vn>);
- 01 bản sao công chứng giấy khai sinh;
- 01 bản sao công chứng bằng tốt nghiệp THPT hoặc văn bằng tương đương;
- 01 bản sao công chứng học bạ THPT hoặc bảng điểm;
- 01 bản sao công chứng Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân;
- 04 ảnh 3x4, ảnh được chụp trong vòng 06 tháng tính đến ngày nộp hồ sơ;
- 01 bản sao chứng chỉ Tiếng Anh (nếu có).

### 1.5. Thời gian tuyển sinh

Tổ chức tuyển sinh 2 đợt trong năm, cụ thể:

| TT | Thời gian                      | Đợt 1                       | Đợt 2                   |
|----|--------------------------------|-----------------------------|-------------------------|
| 1  | Nộp hồ sơ                      | Hạn nộp hết ngày 25/03/2022 | Đến hết ngày 20/09/2022 |
| 2  | Kiểm tra năng lực và phỏng vấn | Từ 30/3 đến 05/04/2022      | Từ 21/09 đến 25/09/2022 |

### 1.6. Thời gian, địa điểm đào tạo

- Thời gian đào tạo: Gồm 06 học kỳ trong 03 năm.
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Mở Hà Nội, cơ sở số 295 Nguyễn Tất Thành, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Cơ sở thực hành dự kiến

- Khách sạn Novotel Danang Premier Han River;
- Khách sạn Magnolia Đà Nẵng.

### 1.7. Ngôn ngữ và tổ chức giảng dạy

- Ngôn ngữ giảng dạy được sử dụng trong chương trình là Tiếng Anh.

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*



b) Việc tổ chức giảng dạy được thực hiện theo đúng đề cương môn học chi tiết do VATEL cung cấp. Đội ngũ giảng viên tham gia chương trình là giảng viên của HOU. VATEL sẽ phối hợp với HOU khi cần trong việc giới thiệu giảng viên trong nước hoặc nước ngoài phù hợp với các quy định của từng môn học và của chương trình.

## 2. Chương trình đào tạo

a) Toàn bộ chương trình đào tạo do VATEL cung cấp theo hình thức nhượng quyền, bao gồm: chương trình khung, đề cương chi tiết, giáo trình tham khảo, tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập. Chương trình này đã được công nhận trong Danh mục Chứng nhận Chuyên môn Quốc gia Pháp (RNCP - Répertoire National des Certifications Professionnelles - National Repertory of Professional Certifications) tại mức độ 6 (RNCP34356) tương đương với bậc cử nhân đại học của một cơ sở giáo dục đại học Pháp. VATEL chịu trách nhiệm hướng dẫn cán bộ quản lý phương thức thực hiện đào tạo, quản lý hồ sơ môn học, hồ sơ sinh viên chính khóa, phương thức đảm bảo chất lượng.

b) Sinh viên phải hoàn thành toàn bộ chương trình tại HOU với tổng thời lượng là 180 tín chỉ ECTS (hệ chuyển đổi tín chỉ Châu Âu) bao gồm gần 30% thời lượng đào tạo lý thuyết quản trị (35 tuần) và hơn 70% thực hành và thực tập chuyên nghiệp (89 đến 93 tuần)

### Danh sách các học phần của chương trình

| TT | Môn học                              | Mã môn  | Số giờ | Số tín chỉ |
|----|--------------------------------------|---------|--------|------------|
| 1  | Kế toán quản trị I                   | GES 101 | 36     | 6          |
| 2  | Marketing I                          | MKT 101 | 18     | 4          |
| 3  | Quản trị nguồn nhân lực I            | GRH 101 | 18     | 4          |
| 4  | Tin học I                            | INF 101 | 18     | 4          |
| 5  | Kinh tế doanh nghiệp                 | ECO 101 | 18     | 4          |
| 6  | Văn hóa nghề nghiệp ngành dịch vụ    | CUP 101 | 18     | 2          |
| 7  | Xây dựng hình ảnh cá nhân            | CUP 102 | 18     | 2          |
| 8  | Vệ sinh an toàn thực phẩm            | NUT 101 | 09     | 1          |
| 9  | Dinh dưỡng I                         | NUT 102 | 09     | 1          |
| 10 | Rượu vang                            | VIN 101 | 18     | 4          |
| 11 | Tham quan khách sạn                  | PRO 101 | 15     | -          |
| 12 | Ngoại ngữ 1                          | LAN 101 | 36     | 6          |
| 13 | Ngoại ngữ 2                          | LAN 102 | 27     | 4          |
| 14 | Hướng dẫn thực hành phục vụ nhà hàng | APR 101 | 05     | -          |
| 15 | Hướng dẫn thực hành bếp              | APC 101 | 05     | -          |



|    |                                                             |         |                |   |
|----|-------------------------------------------------------------|---------|----------------|---|
| 16 | Môi trường dịch vụ ẩm thực                                  | ENV 101 | 18             | 4 |
| 17 | Môi trường ngành dịch vụ NHKS                               | ENV 102 | 18             | 4 |
| 18 | Thực hành chuyên nghiệp                                     | APP 101 | 10 tuần        | 5 |
| 19 | Thực tập chuyên nghiệp trong nước                           | STA 101 | 18 tuần        | 5 |
| 20 | Kế toán quản trị II                                         | GES 201 | 45             | 6 |
| 21 | Marketing II                                                | MKT 201 | 27             | 4 |
| 22 | Quản trị nguồn nhân lực II                                  | GRH 201 | 27             | 4 |
| 23 | Tin học II                                                  | INF 201 | 18             | 4 |
| 24 | Luật                                                        | JUR 201 | 36             | 6 |
| 25 | Kinh tế du lịch                                             | ECO 201 | 22.5           | 4 |
| 26 | Môi trường kinh tế                                          | ECO 202 | 13.5           | 2 |
| 27 | Các sự kiện hiện đại trong ngành dịch vụ nhà hàng khách sạn | ACT 201 | 13.5           | 2 |
| 28 | Nghệ thuật giao tiếp bằng lời nói                           | COM 201 | 13.5           | 4 |
| 29 | Dinh dưỡng II                                               | NUT 201 | 09             | 2 |
| 30 | Rượu vang thế giới                                          | VIN 201 | 09             | 2 |
| 31 | Ngoại ngữ 1 cấp độ II                                       | LAN 201 | 45             | 6 |
| 32 | Ngoại ngữ 2 cấp độ II                                       | LAN 202 | 27             | 4 |
| 33 | Thực hành chuyên nghiệp                                     | APP 201 | 09 Tuần        | 3 |
| 34 | Thực tập chuyên nghiệp (có thể đi quốc tế)                  | STA 201 | 20 đến 24 tuần | 6 |
| 35 | Báo cáo thực tập năm 1                                      | -       | -              | 1 |
| 36 | Tổng quan về kiểm soát chi phí                              | GES 301 | 52             | 8 |
| 37 | Marketing III                                               | MKT 301 | 26             | 6 |
| 38 | Quản trị nguồn nhân lực III                                 | GRH 301 | 26             | 6 |
| 39 | Thuế                                                        | FIS 301 | 26             | 4 |
| 40 | Tin học III                                                 | INF 301 | 26             | 4 |
| 41 | Dự án chuyên ngành                                          | -       | 6              | - |
| 42 | Quản trị đa văn hóa                                         | CLT 301 | 26             | 2 |
| 43 | Kinh doanh trong ngành nhà hàng khách sạn                   | PRO 301 | 26             | 3 |
| 44 | Rượu vang, bia và rượu mạnh                                 | VIN 301 | 13             | 2 |
| 45 | Địa chính trị                                               | GEO 301 | 13             | 2 |
| 46 | Ngành du lịch và lữ hành                                    | TOU 301 | 26             | 4 |
| 47 | Nghệ thuật đàm phán                                         | NGO 301 | 26             | 3 |

*Handwritten signature*

*Handwritten signature*





|    |                                           |         |         |   |
|----|-------------------------------------------|---------|---------|---|
| 48 | Ngoại ngữ 1 cấp độ III                    | LAN 301 | 52      | 6 |
| 49 | Ngoại ngữ 2 cấp độ III                    | LAN 302 | 26      | 2 |
| 50 | Thực hành quản trị - luận văn nghề nghiệp | APP 301 | 8 Tuần  | 4 |
| 51 | Thực tập chuyên nghiệp                    | STA 301 | 24 Tuần | 4 |

### 3. Đội ngũ giảng viên

a) Giảng viên tham gia giảng dạy chương trình thuộc Danh sách giảng viên trong Phần I của Đề án tuyển sinh và phải đảm bảo các tiêu chuẩn quy định tại Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 06/06/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục cùng các yêu cầu của VATEL, cụ thể như sau:

- Giảng viên có bằng thạc sĩ trở lên với 05 năm kinh nghiệm; các chuyên gia, cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý...(gọi chung là chuyên gia) tốt nghiệp thạc sĩ trở lên hoặc tốt nghiệp đại học có từ 3 năm kinh nghiệm trở lên trong ngành du lịch khách sạn (theo văn bản số 4929 /BGDĐT-GDĐH ngày 20/10/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc áp dụng cơ chế đặc thù đào tạo các ngành về du lịch);
- Giảng viên là người bản ngữ nước ngoài dạy kỹ năng ngoại ngữ phải có bằng đại học trở lên và có chứng chỉ giảng dạy ngoại ngữ phù hợp;
- Giảng viên chuyên ngành có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu của chương trình, nhưng không thấp hơn trình độ Bậc 5 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

b) VATEL phê duyệt hồ sơ giảng viên HOU cho từng môn học. Với những học phần HOU chưa có giảng viên thì VATEL sẽ hỗ trợ giới thiệu giảng viên. VATEL hỗ trợ HOU trong việc giám sát tổ chức đào tạo, kiểm định chất lượng.

### 4. Cơ sở vật chất

Với kinh nghiệm đào tạo chuyên ngành Quản trị Du lịch Khách sạn lâu năm và có uy tín đối với thị trường lao động Việt Nam nhiều năm qua, HOU sẽ trang bị và nâng cấp cơ sở vật chất đã nêu tại Phần I của Đề án tuyển sinh đáp ứng đúng yêu cầu của chương trình:

- Đảm bảo diện tích tối thiểu quy định 5m<sup>2</sup>/sinh viên;
- Phòng học đủ diện tích theo quy định và có trang bị điều hòa, các thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập (máy chiếu, máy tính, loa ...) theo yêu cầu của chương trình;
- Phòng học ngoại ngữ có đủ trang thiết bị nghe nhìn, đường truyền phục vụ giảng dạy và học ngôn ngữ;
- Phòng tự học có trang bị wifi, máy tính, thư viện mini;
- Phòng máy tính đủ cấu hình, nối mạng phục vụ giảng dạy và kết nối online khi cần;






- Cơ sở thực hành, thực tập: HOU đã ký kết với Khách sạn Novotel Danang Premier Han River đạt tiêu chuẩn 5 sao và Khách sạn Magnolia Đà Nẵng đạt tiêu chuẩn 4 sao về việc triển khai đào tạo chương trình thực hành, thực tập dựa trên năng lực cơ sở vật chất và nhân lực của khách sạn.

### **5. Văn bằng tốt nghiệp**

- a) VATEL chịu trách nhiệm cấp bằng theo mẫu đăng ký với nhà nước Pháp có giá trị quốc tế cho những sinh viên đạt chuẩn đầu ra.
- b) Bằng tốt nghiệp Cử nhân theo hướng nghề nghiệp chuyên ngành Quản trị khách sạn quốc tế (Manager en Hootellerie international/ European Bachelor of Management in Hospitality & Tourism) do VATEL cấp được đăng ký trong Danh mục Chứng nhận Chuyên môn Cộng hoà Pháp (RNCP - Répertoire National des Certifications Professionnelles - National Repertory of Professional Certifications) tại mức độ 6 (RNCP34356) tương đương với bằng cử nhân đại học của một cơ sở giáo dục đại học Pháp.
- c) Văn bằng này được Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận khi đáp ứng quy định về trình tự thủ tục công nhận văn bằng do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **6. Học phí và lệ phí**

- a) Học phí: 93.000.000 VNĐ/năm, thu theo học kỳ 46.500.000 VNĐ/học kỳ.
- b) Phí ghi danh và xét tuyển: 1.000.000 VNĐ/thí sinh.

**Cán bộ kê khai**

**Nguyễn Tuấn**

Số ĐT: 0984624368

Email: [nguyentuan1981@hou.edu.vn](mailto:nguyentuan1981@hou.edu.vn)

Hà Nội, ngày 09 tháng 03 năm 2022



**PGS. TS Nguyễn Thị Nhung**

